

Số: ~~1144~~/BC-VPUB

Hà Nam, ngày 03 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021, phương hướng nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2021

Thực hiện chế độ báo cáo về công tác cải cách hành chính hàng năm; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo các kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021, phương hướng nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2021 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 3821/KH-UBND về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của tỉnh Hà Nam; trên cơ sở đó Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2764/KH-VPUB ngày 28/12/2020 về việc thực hiện kế hoạch cải cách thủ tục hành chính năm 2021.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Tiếp tục tổ chức quán triệt đến đội ngũ cán bộ công chức, viên chức các văn bản của cấp trên như: Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Kế hoạch số 3821/KH-UBND về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 của tỉnh Hà Nam; Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2764/KH-VPUB ngày 28/12/2020 về việc thực hiện kế hoạch cải cách thủ tục hành chính năm 2021.

Công tác cải cách hành chính được lồng ghép vào công tác giao ban hàng tuần, hàng tháng, quý của cơ quan;

Lãnh đạo Văn phòng đã tập trung chỉ đạo công tác CCHC, coi nhiệm vụ CCHC là một trong những nhiệm vụ trọng tâm; luôn nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu nhất là Lãnh đạo Văn phòng, trưởng các phòng ban chuyên môn trong việc CCHC tại cơ quan. Việc chỉ đạo công tác CCHC luôn đồng thời với việc chỉ đạo về thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ tại các cuộc họp chuyên đề cũng như giao ban hàng tuần, tháng.

Nội dung CCHC đã được đưa thành tiêu chí để chấm điểm, bình xét thi đua hàng năm trong cơ quan.

Hầu hết các sáng kiến cơ sở của cơ quan do các đơn vị, cá nhân đăng ký là về các nội dung nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 (về xây dựng văn bản QPPL, cải cách sự chỉ đạo, điều hành, cải cách TTHC).

Rà soát, đơn giản hoá và công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo chức năng và nhiệm vụ của Văn phòng năm 2021 theo Kế hoạch đã đề ra.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Để công tác cải cách hành chính đi vào nề nếp, triển khai có hiệu quả Văn phòng UBND tỉnh đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 235/KH-VPUB ngày 02/02/2021 về tự kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021. Ngày 02/6/2021 Văn phòng Ủy ban đã ban hành Quyết định số 1139/QĐ-VPUB về việc kiểm tra công tác cải cách hành chính đối với các phòng Nội chính, Ngoại vụ, Khoa giáo văn xã, Tổng hợp.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến nội dung các văn bản cũng như nhằm đảm bảo chất lượng xây dựng, ban hành, thực hiện kế hoạch cải cách hành chính Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch số 157/KH-VPUB ngày 25/01/2021 về kế hoạch tuyên truyền về Cải cách hành chính năm 2021.

Công tác tuyên truyền về CCHC được tổ chức lồng ghép tại các cuộc họp giao ban hàng tháng, tại các buổi sinh hoạt của các Chi bộ và các tổ chức đoàn thể trong cơ quan.

- Đăng tải các văn bản QPPL trên trang thông tin điện tử của Văn phòng, đến nay trang thông tin điện tử .

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

a) Xây dựng và ban hành văn bản QPPL

Văn phòng UBND tỉnh đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, Trung ương ban hành;

Đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khắc phục tính thụ động trong việc chuẩn bị, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra các văn bản quy phạm pháp luật;

Nêu cao trách nhiệm của từng phòng, ban, trong quá trình cải cách thể chế; phát huy dân chủ để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật.

b) Tổ chức thực hiện và kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Đề cụ thể hóa các chính sách, pháp luật của Nhà nước và từng bước hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật để chỉ đạo, hướng dẫn; Văn phòng tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định về phân công, phân cấp về thực hiện công tác quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, kịp thời hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật.

Ngày 28/01/2021 Văn phòng đã ban hành Kế hoạch số 190/KH-VPUB về việc tự kiểm tra, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản năm 2021; Kế hoạch số 211/KH-VPUB ngày 01/02/2021 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2021.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh: Kế hoạch 3902/KH-UBND ngày 29 tháng 2 năm 2021 về

kiểm soát TTHC năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Kế hoạch 3903/KH-UBND ngày 29 tháng 2 năm 2021 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định 06/2021/QĐ-UBND ngày 1/4/2021 về việc ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính và các nội dung quản lý nhà nước lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn tỉnh Hà Nam và Công văn số 1316/UBND-KSTT ngày 31/5/2021 tham gia góp ý đối với các phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ.

Ban hành Kế hoạch số 18/KH-VPUB ngày 05/01/2021 về việc kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 của Văn phòng UBND tỉnh; Kế hoạch số 42/KH-VPUB ngày 07/01/2021 về việc kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021.

Phối hợp với các đơn vị thẩm tra, rà soát các bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật. Trong 6 tháng đầu năm đã trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành 11 Quyết định công bố thủ tục hành chính (Tổng số 521 TTHC: ban hành mới 196 TTHC, sửa đổi bổ sung 105 TTHC, thay thế 6 thủ tục cũ bằng 5 thủ tục mới và bãi bỏ 215 TTHC. Đã cắt giảm 247 trên tổng số 306 thủ tục hành chính tương đương 80,7 % Số ngày thực hiện TTHC là 1315 ngày, đã cắt giảm được 1785 ngày trên tổng số 3100 ngày theo quy định pháp luật tương đương 57,5 %)

Đồng thời nhập dữ liệu cơ sở quốc gia sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành các Bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị.

3. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Từ 01/01/2021 đến 01/6/2021, Văn phòng UBND tỉnh không tiếp nhận không phát sinh hồ sơ nào lĩnh vực ngoại vụ.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

Ngày 17/5/2021 Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành công văn số 997/VPUB-HCTC về việc xây dựng kế hoạch biên chế công chức năm 2022 và tham mưu phương án, giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy của Văn phòng theo Quyết định 527/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án thực trạng và giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn.

Việc tổ chức thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước tại Văn phòng được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, của tỉnh.

Cán bộ, công chức, người lao động nghiêm chỉnh thực hiện tốt nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đảm bảo yêu cầu về công tác và phân công công việc.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 Văn phòng đã ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ, kiến thức cho đội ngũ cán bộ công chức, nhất là các cán bộ trẻ trong cơ quan và báo cáo số 219/BC-VPUB ngày 01/02/2021 về kết quả

công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức năm 2020 và 05 năm thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg.

Trong 6 tháng đầu năm đã cử 04 đồng chí đi học lớp Trung cấp lý luận chính trị.

6. Cải cách tài chính công:

Triển khai thực hiện các chính sách về thu nhập, tiền lương; đảm bảo đủ chi trả tiền lương và các khoản thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định hiện hành.

Xây dựng và ban hành Quyết định số 2766/QĐ-VPUB ngày 29/12/2020 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ cơ quan Văn phòng UBND tỉnh năm 2021 và báo cáo số 20/BC-VPUB về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ.

Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2660/QĐ-VPUB ngày 16/12/2020 về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, báo cáo số 883/BC-VPUB ngày 06/5/2021 về việc báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập.

7. Hiện đại hóa hành chính:

- 100% văn bản đến, đi (*trừ văn bản mật*) được quản lý trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành; 100% văn bản được trao đổi trên môi trường mạng theo đúng quy định về việc gửi và nhận (*theo Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh*).

- Ứng dụng hiệu quả phần mềm đã được trang bị (*phần mềm kế toán, phần mềm kiểm kê tài sản, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm một cửa điện tử, phần mềm giải quyết khiếu nại tố cáo*) trong việc thực hiện nhiệm vụ công vụ..

- Triển khai phân hệ theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao tới các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Hệ thống đã góp phần theo dõi, đánh giá tiến độ giải quyết nhiệm vụ của các đơn vị.

- Về áp dụng ISO trong hoạt động: Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2214/QĐ-VPUB ngày 27/12/2019 về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015.

Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 36/QĐ-VPUB ngày 06/01/2021 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo và tổ giúp việc triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Kế hoạch số 59/KH-VPUB ngày 11/01/2021 về việc đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2021; Kế hoạch số 669/KH-VPUB ngày 07/4/2021 về duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Văn phòng UBND tỉnh năm 2021.

Tháng 12 năm 2020 Văn phòng UBND tỉnh đã được Sở Khoa học công nghệ thẩm định và xét công nhận 08 sáng kiến cấp tỉnh. Các đề tài mang tính

ứng dụng thiết thực góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

- Bố trí đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức; trang thiết bị đầy đủ, từng bước hiện đại. Cán bộ, chuyên viên được trang bị máy vi tính để làm việc, sử dụng tốt phần mềm quản lý văn bản, 100% có sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc.

- Bảo đảm vận hành mạng nội bộ hoạt động thông suốt, có hiệu quả, phục vụ khai thác dữ liệu, thông tin của cán bộ, chuyên viên Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh với các đầu mối từ các sở, ngành, huyện, thành phố trong tỉnh tại Website của Văn phòng (<https://vpubndt.hanam.gov.vn>) và trên cổng thông tin của tỉnh (<https://hanam.gov.vn>).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

Các nội dung về cải cách hành chính được Văn phòng thực hiện nghiêm túc đúng quy định. Công tác công khai thông tin cải cách hành chính, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đã thực hiện dần đi vào nề nếp.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

- Công tác phối hợp trong giải quyết hồ sơ công việc liên quan đến thủ tục hành chính của một số bộ phận còn chậm, chưa được chú trọng.

- Việc cập nhật thông tin tình hình hoạt động lên cổng thông tin điện tử của Văn phòng còn chưa kịp thời.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

- Tiếp tục tổ chức thực hiện những nội dung, nhiệm vụ Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 đã đề ra của Văn phòng.

- Tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật tập trung vào việc quyết định những nội dung nhằm triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, đảm bảo giữ vững quốc phòng an ninh của tỉnh.

- Thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của các Phòng đảm bảo đúng quy định, không để xảy ra phiền hà, những nhiễu trong quá trình thực hiện, phấn đấu giải quyết thủ tục hành chính trước thời gian quy định.

- Rà soát, điều chỉnh lại chế độ làm việc, chức năng, nhiệm vụ của các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Văn phòng.

- Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của cơ quan. Tạo điều kiện cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ.

- Thực hiện việc mua sắm tài sản cố định đúng tiêu chuẩn định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Tiếp tục trang bị

phương tiện làm việc đảm bảo phục vụ cho công tác chuyên môn của các Phòng chuyên môn đạt hiệu quả. Áp dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc và quản lý hồ sơ tài liệu một cách khoa học.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ; | (để b/c)
- LĐVP;
- Lưu VT, HCTC.

BC CCTTHC quy II VP UBND tỉnh 2021

CHÁNH VĂN PHÒNG



Đỗ Hoàng Hải

Phụ lục I

THỐNG KÊ

SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: **M44**/BC-VPUB ngày **03**/**06**/2021 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			Kết quả của cơ quan, đơn vị đến thời điểm báo cáo
1.1.	Kế hoạch CCHC	văn bản	01	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	25	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	20	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	11	
1.2.	Kiểm tra CCHC	Văn bản	01	
1.2.1.	Số phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	Đối với các sở, ban, ngành
1.2.2.	Số phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc, số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		Đối với UBND cấp huyện
1.2.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.2.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	426	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	99	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	86	
1.3.4.	Số nhiệm vụ đang giải quyết	Nhiệm vụ	241	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			Không
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	196	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	220	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1457 tỉnh 343 huyện 177 xã	UBND cấp huyện báo cáo thêm tổng số TTHC của cấp xã trên địa bàn
3.2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		1977	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.2.2.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		Đối với các sở, ban, ngành
3.3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		Đối với UBND cấp huyện
3.3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		UBND cấp huyện báo cáo
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số phòng, ban, đơn vị thuộc, trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	12	Đối với các sở, ban, ngành
4.1.2.	- Số phòng, ban, đơn vị - Số UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị		Đối với UBND cấp huyện
4.1.3.	Số đơn vị sự nghiệp công lập	Cơ quan, đơn vị	0	
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc sở, ban, ngành	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	51	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	49 + 07 biên chế sự nghiệp	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, đơn vị	Người	11	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc		0	
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	69	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	69	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		40	
5.1.1.	Số phòng, ban, đơn vị/UBND cấp xã đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
5.1.3.	Số phòng, ban, đơn vị/ đơn vị sự nghiệp trực thuộc/UBND cấp xã có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công	Người		UBND cấp huyện báo cáo

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	chức cấp huyện trở lên.			
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo		0	
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL trực thuộc bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công		0	
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 6 tháng năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.1.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	Không có	Văn phòng UBND tỉnh chỉ có 04 TTHC thuộc lĩnh vực Ngoại vụ mức độ 2
7.1.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	Không có	
7.1.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	Không có	
7.1.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	Không có	